TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Bản án số 20/2024/HS-ST
Ngày 05-3-2024
Tội: "Trộm cắp tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Thu
Ông Nguyễn Thế Bảo

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/QĐXXST-HS ngày 23-02-2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Cao T**,** giới tính: N; sinh năm: 1982, tại: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. HKTT: Tổ I, khu phố E, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Không. Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm: 1954 và bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1954. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn chị em. Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 30-9-1996, bị bắt bị khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", sau đó được đình chỉ điều tra bị can theo Quyết định đình chỉ số 16 ngày 30-11-1996 của Công an thành phố V.

+ Bản án số 186/HSST ngày 18-12-1997 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và "Cướp tài sản của công dân", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08-9-2004.

+ Bản án số 194/2007/HSST ngày 04-7-2007 của Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản". Bản án số 71/2007/HSST ngày 26-9-2007 của Toà án nhân dân huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tổng hợp hình phạt của hai bản án 03 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16-02-2010.

+ Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 17-7-2013 về việc đưa người nghiện ma tuý vào cai nghiện và chữa trị tại cơ sở chữa bệnh, trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong quyết định vào ngày 04-7-2015.

+ Bản án số 08/2016/HSST ngày 26-01-2016 của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26-4-2016;

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L từ ngày 10-10-2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 90/LB ngày 10-10-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

+ Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm: 1987; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

2.3. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1970; địa chỉ: B T, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1986; địa chỉ: 6 P, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981; địa chỉ: C T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Ông Lý Quang D1, sinh năm 1968; địa chi: Ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Ông Võ Huy T2, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023, Nguyễn Cao T đã thực hiện 02 vụ "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn huyện L cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 23-5-2023, T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu đỏ đen (không nhớ biển số) đi từ ấp P, xã L, thành phố B (nơi T đang ở trọ) đến xã A, huyện L để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực đoạn đường vắng người thuộc ấp A, xã A, huyện L, T phát hiện nhà bà Nguyễn Thị Kiều D khóa cửa cổng, không người trông coi nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà D để lấy trộm tài sản. Để thực hiện ý định, T cất giấu xe mô tô vào bụi cây cách đó khoảng 200m rồi đi bộ đến nhà bà D, T nhặt một thanh gỗ pallet dài khoảng 01m tại xưởng gỗ ven đường để làm công cụ. T đi vào bãi đất trống bên hông phải nhà, sau đó đi vòng ra phía sau nhà và đi đến bên hông trái nhà bà D. T phát hiện cửa sổ phòng ngủ thứ hai có thanh song sắt, mối hàn bị rỉ sét. T dùng cây gỗ pallet cạy bung thanh song sắt cửa sổ, tạo thành một lỗ trống, T chui vào trong nhà bà D. T đi vào trong phòng ngủ, lục tìm tài sản trong một cái tủ kính lấy trộm 01 đôi bông tai bằng vàng 0,9 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 0,55 chỉ. Nhìn thấy con heo đất để tại vị trí kệ gỗ, T đập vỡ con heo lấy trộm số tiền 500.000đ. Sau khi lấy trộm tài sản, T tẩu thoát theo lối cũ đi về rồi mang đến bán tại một tiệm vàng thuộc địa bàn thành phố B (không rõ địa chỉ) được số tiền 3.000.000đ, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất trộm, bà D đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 04-10-2023, do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác. T lấy lý do nhờ ông Trần Văn Đ (tên gọi khác: Trầm T) là cha ruột của T chở đi bắn chim, ông Đ đồng ý. Ông Đ điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe MIO ULTIMO, biển số 72L6-4647 chở T đi từ phòng trọ tại ấp P, xã L, thành phố B đến khu vực xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi đến đoạn đường Q (gần khu vực ngã tư bánh hỏi A), T nói ông Đ để T xuống xe đi bộ, còn ông Đ điều khiển xe đi về nhà. Sau đó, T đi bộ vào một đường hẻm khu vực dân cư tìm tài sản sơ hở trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị Thu V nhìn thấy nhà bà V khoá cửa cổng, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Để thực hiện ý định, T đi vào khu đất trống sát bên nhà bà V rồi đi vòng ra phía sau nhà, phát hiện cửa sổ không khoá (khi T trộm cắp cửa sổ không có song sắt ngang, sau khi bị trộm bà V mới làm song sắt ngang). Lúc này, T đeo găng tay, đột nhập vào trong nhà bà V qua đường cửa sổ. Khi vào trong nhà, T dùng chân đạp một cánh cửa nhôm của phòng ngủ, làm bung tấm nhôm tạo thành một lỗ trống. T chui vào trong, mở tủ nhựa đựng quần áo lục tìm tài sản và lấy trộm tiền, vàng cất vào trong người rồi tẩu thoát qua lối cửa sổ đi ra ngoài. T đi bộ ra đường Q gặp một người bán vé số, T mua vé số rồi nhờ người này chở đến chợ L2, rồi tiếp tục thuê xe ôm đi về nhà trọ tại thành phố B. T lấy tài sản trộm cắp ra kiểm tra đếm được 43.000.000đ, 01 chiếc lắc tay bằng vàng 0,5 chỉ, 02 sợi dây chuyền bằng vàng (01 chiếc 02 chỉ và 01 chiếc 2,5 chỉ), 03 chiếc nhẫn bằng vàng, mỗi chiếc 0,5 chỉ và 01 đồng hồ, trên mặt đồng hồ có khắc chữ "RADO". Sau khi kiểm tra, T cất giấu tài sản trộm cắp được trong phòng ngủ của T. Sau đó, T cho ông Đ số tiền 2.000.000đ, 01 chiếc nhẫn vàng và 01 dây chuyền vàng; cho bà Nguyễn Thị N1 là mẹ của T số tiền 5.500.000đ. Ngày 05-10-2023, T cho chị Nguyễn Thị

Diễm L1 là em ruột của T số tiền 2.000.000đ và 01 chiếc nhẫn vàng. T gửi cho chị Nguyễn Thị Phương H là chị ruột của T nhờ cất giữ số tiền 12.000.000đ và 01 sợi dây chuyền vàng. Số tiền còn lại, T tiêu xài cá nhân hết; Đối với 01 chiếc nhẫn vàng T sử dụng đeo trên tay, còn 01 chiếc lắc cất trong túi quần, đã bị mất và chiếc đồng hồ cất giấu ở phòng ngủ. Đến ngày 10-10-2023, chị V đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Cao T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 61/KL.HDĐGTS ngày 29-6-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện L kết luận:

- 01 đôi bông tai vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 0,9 chỉ, trị giá 3.105.000đ;

- 01 chiếc nhẫn vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 0,55 chỉ, trị giá 1.897.500đ.

Tổng giá trị tài sản định giá là 5.002.500đ (Vụ thứ nhất).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 89/KL.HDĐGTS ngày 19-10-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện L kết luận:

- 01 lắc tay bằng vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ, trị giá: 2.075.000đ.

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ, trị giá: 8.300.000đ.

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ, trị giá: 10.375.000đ.

- 02 chiếc nhẫn cưới bằng vàng 18K, trọng lượng mỗi chiếc là 0,5 chỉ, trị giá: 4.150.000đ.

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 0,3 chỉ, trị giá: 1.245.000đ.

- 01 đồng hồ đeo tay, dây kim loại màu vàng (không phải vàng), mặt đồng hồ có khắc chữ RADO, trị giá: 760.000đ.

Tổng giá trị tài sản định giá: 26.905.000đ(Vụ thứ hai).

Tại Bản kết luận giám định số 7449/KL-KTHS ngày 12-12-2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 9,5338 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 73,35%, B (A): 11,51%, Đ1 (Cu): 15,12%.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 chiếc áo sơ mi, ngắn tay, màu xanh đen, có hoạ tiết hình bông hoa; 01 đôi dép quai ngang, màu đen; 01 đôi găng tay màu đen; 01 điện thoại Samsung, màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ dây cao su, màu đen, trên mặt đồng hồ có ghi chữ "SKMEI" thu giữ của Nguyễn Cao T. Hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền quản lý chờ xử lý.

- 01 áo vải ngắn tay, hoạ tiết rằn ri, thu giữ của ông Trần Văn Đ, chuyển theo Quyết định tách hành vi.

- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe MIO ULTIMO, màu trắng, biển số 72L6-4647 do bà Nguyễn Thị Ngọc Á1 (là chủ cửa hàng mua bán xe máy "T3") làm chủ sở hữu tự nguyện giao nộp. Trước đó, bà Á1 bán xe mô tô cho ông Đ được khoảng 03 ngày, sau đó ông Đ đã tới cửa hàng của bà Á1 đổi xe khác. Xét thấy xe mô tô không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của T. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô cho bà Á1.

- Số tiền 18.100.000đ, 01 sợi dây chuyền vàng 2,5 chỉ, 01 đồng hồ trên mặt đồng hồ có khắc chữ "RADO", Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả tài sản trên cho bà Trần Thị Thu V1.

- Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu đỏ đen (không nhớ biển số), sau khi sử dụng đi trộm cắp tài sản vào ngày 23-5-2023, T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch; 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 chiếc nhẫn vàng của bà Nguyễn Thị Kiều D; 01 chiếc lắc tay, 01 sợi dây chuyền, 03 chiếc nhẫn của bà Trần Thị Thu V1, T đã trộm cắp, hiện tất cả không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 5.502.500đ, bà Trần Thị Thu V1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 40.670.000đ.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền đã truy tố Nguyễn Cao T, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo T khai nhận Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền truy tố bị cáo là đúng nên không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc. Bị cáo xin nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền giữ quyền công tố kết luận: giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 21 ngày 22-01-2024. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo sơ mi, ngắn tay, màu xanh đen, có họa tiết hình bông hoa; 01 đôi dép quai ngang, màu đen; 01 đôi găng tay màu đen.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 đồng hồ dây cao su, màu đen, trên mặt đồng hồ có ghi chữ "SKMEI" và 01 điện thoại Sam sung màu xanh-đen, đã qua sử dụng số Imei: 354556102385955.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Cao T bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kiều D số tiền 5.502.500đ, bà Trần Thị Thu V1 số tiền 40.670.000đ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23-5-2023, Nguyễn Cao T đã có hành vi đột nhập vào nhà của bà Nguyễn Thị Kiều D tại ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trộm cắp 01 đôi bông tai vàng, 01 chiếc nhẫn vàng, số tiền 500.000đ, tổng trị giá 5.502.500đ. Đến khoảng 07 giờ ngày 04-10-2023, T tiếp tục đột nhập vào nhà của bà Nguyễn Thị Thu V tại ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trộm cắp số tiền 43.000.000đ, 02 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc tay, 03 chiếc nhẫn bằng vàng, 01 chiếc đồng hồ, trên mặt đồng hồ có khắc chữ "RADO", tổng trị giá 69.905.000đ. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp hai lần là 75.407.500đ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra Công an huyện L thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền truy tố bị cáo Nguyễn Cao T, phạm tội: "Trộm cắp tài sản" quy định khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội với ý thức cố ý, lợi dụng sự sơ hở của bị hại bị cáo trộm cắp tài sản của họ. Mặc dù bị cáo biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân đã được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần xử bị cáo mức án nghiêm đủ thời gian giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho gia đình và cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Giá trị của 2 lần trộm cắp đủ yếu tố cấu thành nên bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhân thân bị cáo rất xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1. Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử lý vật chứng: 01 chiếc áo sơ mi, ngắn tay, màu xanh đen, có hoạ tiết hình bông hoa; 01 đôi dép quai ngang, màu đen; 01 đôi găng tay màu đen đã sử dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 đồng hồ dây cao su, màu đen, trên mặt đồng hồ có ghi chữ "SKMEI" và 01 điện thoại Sam sung màu xanh-đen, đã qua sử dụng số Imei: 354556102385955 thu giữ của bị cáo Nguyễn Cao T. Tại phiên tòa bị cáo xác nhận có được từ tiền trộm cắp được của bà V, bà V chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường không đồng ý nhận, tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

+ 01 áo vải ngắn tay, hoạ tiết rằn ri, thu giữ của ông Trần Văn Đ, chuyển theo Quyết định tách hành vi, không xem xét.

+ 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe MIO ULTIMO, màu trắng, biển số 72L6-4647. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô cho bà Á1. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Số tiền 18.100.000đ, 01 sợi dây chuyền vàng 2,5 chỉ, 01 đồng hồ trên mặt đồng hồ có khắc chữ "RADO", Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả tài sản trên cho bà Trần Thị Thu V1. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Phương tiện sử dụng đi trộm cắp là xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu đỏ đen (không nhớ biển số), sau khi sử dụng đi trộm cắp tài sản vào ngày 23-5-2023, T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch; 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 chiếc nhẫn vàng của bà Nguyễn Thị Kiều D; 01 chiếc lắc tay, 01 sợi dây chuyền, 03 chiếc nhẫn của bà Trần Thị Thu V1, T đã trộm cắp, hiện tất cả không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Cao T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kiều D số tiền 5.502.500đ, bồi thường cho chị Trần Thị Thu V1 số tiền 40.670.000đ.

Đối với ông Trần Văn Đ, bị cáo T khai nhận chỉ nhờ ông Đ chở đi bắn chim, T có cho ông Đ tiền và 01 chiếc nhẫn vàng nhưng không nói cho ông Đ biết việc T đi trộm cắp tài sản, tiền và vàng cho ông Đ là tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, ông Đ khai nhận do ông và T ở chung nhà trọ với nhau, T không có nghề nghiệp nên ông nghĩ số tiền và vàng T cho ông là tài sản trộm cắp. Hiện nay, ông Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương chưa làm việc lại được để làm rõ những nội dung trên. Cơ quan điều tra đã tách vụ án đối với hành vi của ông Đ để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với bà Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị Hồng P, chị Nguyễn Thị Diệu L được T cho, gửi tiền và vàng. Bà N1, chị P, chị L không biết tài sản trên do T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A54, màu đen, đã qua sử dụng bà D trình báo bị mất trộm, quá trình điều tra xác định bà D không bị mất chiếc điện thoại trên nên không xem xét xử lý.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 2.308.625đ (làm tròn số: 2.309.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Cao T, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cao T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10-10-2023.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo sơ mi, ngắn tay, màu xanh đen, có họa tiết hình bông hoa; 01 đôi dép quai ngang, màu đen; 01 đôi găng tay màu đen.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 đồng hồ dây cao su, màu đen, trên mặt đồng hồ có ghi chữ "SKMEI" và 01 điện thoại Sam sung màu xanh-đen, đã qua sử dụng số Imei: 354556102385955.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận số: 33/BB-CCTHADS ngày 23-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Cao T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kiều D số tiền 5.502.500đ (Năm triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng), bồi thường cho chị Trần Thị Thu V1 số tiền 40.670.000đ (Bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Cao T phải nộp 2.309.000đ (Hai triệu ba trăm lẻ chín ngàn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BTVT;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Sở tư pháp tỉnh BRVT;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Điền
- Bị cáo; người bị hại
- Lưu văn phòng;
- Hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc